

Số: 654 /QĐ - SVHTTDL

Hưng Yên, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán NSNN
của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2016;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hưng Yên (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc ngành, các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở
- Thông báo bằng tin Sở;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu VT, VP.



Đỗ Hữu Nhân

PHỤ LỤC
CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SVHTTDL ngày tháng 12 năm 2025
của Giám đốc Sở VH TT&DL)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tiết kiệm 10% giữ lại ngân sách tỉnh	Dự toán giao cho cơ quan, đơn vị
1	2	3	4	5
A	Dự toán thu, chi phí, lệ phí			
	Tổng số thu từ phí, lệ phí	200		200
	Số thu phí được để lại chi theo chế độ			-
	Số nộp NSNN	200		200
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	395.197	17.923	377.274
1	Cơ quan Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	97.054	6.632	90.422
	- <i>Tự chủ</i>	<i>17.737</i>	<i>264</i>	<i>17.473</i>
	- <i>Không tự chủ</i>	<i>79.317</i>	<i>6.368</i>	<i>72.949</i>
	- <i>Không tự chủ (Loại khoản 340-341)</i>	<i>26.477</i>	<i>2.042</i>	<i>24.435</i>
	+ Quỹ tiền thưởng theo nghị định số 73/2024/NĐ-CP	780		780
	+ Hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết số 730/2025/NQ-HĐND	630		630
	+ Mua sắm tài sản, trang thiết bị	200		200
	+ Lắp đặt tường lửa, phục vụ mạng nội bộ cơ quan	125		125
	+ Mua thay thế máy photocopy	120		120
	+ Thuê hạ tầng máy chủ số hóa di tích	120		120
	+ Sửa chữa phòng làm việc và hạng mục phụ trợ	576	56	520
	+ Sửa chữa nhà kho, nhà xe	1.110	111	999
	+ Sửa chữa xe ô tô	150		150
	+ Tái bản cuốn sách Phổ Hiến	200		200
	+ Ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa	1.110	111	999
	+ Liên hoan văn nghệ quần chúng các làng văn hóa, tổ dân phố tiêu biểu	150		150
	+ Ban chỉ đạo công tác gia đình; thực hiện các nội dung về công tác gia đình	1.400		1.400
	+ Phối hợp với Báo và Phát thanh, truyền hình Hưng Yên thực hiện chương trình Lưu giữ hồn quê	300		300
	+ Bản tin văn hóa, thể thao và du lịch	556	56	500
	+ Ban chỉ đạo phát triển Du lịch	400	40	360
	+ Hoạt động bảo vệ nghệ thuật chèo, hát ca trù, trống quân, văn hóa phi vật thể; Tổ chức các hoạt động xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú"	1.664	166	1.498
	+ Lễ trao tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	350		350
	+ Tham gia tổ chức hoạt động năm 2026 tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam	200		200

+ Tổ chức liên hoan hát văn, chầu văn tỉnh Hưng Yên tại Đền Tiên La	150		150
+ Chương trình tìm hiểu, trao đổi về xét duyệt hồ sơ tại Pháp nghệ thuật chèo trình UNESCO vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại	3.382	339	3.043
+ Hoạt động Hội đồng đặt tên, đổi tên đường, phố, công trình công cộng	50		50
+ Tuyên truyền phòng, chống cháy nổ trong kinh doanh hoạt động karaoke, vũ trường; đối tượng trông coi di tích, ban quản lý di tích cấp xã, phường	200		200
+ Lớp tập huấn triển khai các văn bản QLNN trong lĩnh vực văn hóa TTDL	300		300
+ Diệt muỗi, chống mối, thông bể phốt; vệ sinh môi trường, nạo vét cống rãnh	150		150
+ Công tác vệ sinh kho; mua vật tư và giá đỡ tài liệu	50		50
+ Công tác di chuyển tài liệu, trang thiết bị từ cơ sở 2 về cơ sở 1	100		100
+Tổ chức vinh danh danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn nhân kỷ niệm 300 năm ngày sinh	5.560	556	5.004
+ Hội thảo khoa học cấp quốc gia: giải pháp xây dựng Bảo tàng sinh thái Làng Nôm, xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm (nay là xã Đại Đồng)	955	95	860
+ Hoạt động xuất bản	200		200
+ Hoạt động báo chí, thông tin điện tử	1.110	111	999
+ Hoạt động thông tin đối ngoại	2.220	222	1.998
+ Hoạt động thông tin cơ sở và tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị	1.779	179	1.600
+ Tập huấn và kiểm tra hoạt động TTBCXB	130		130
Hoạt động Thể dục Thể thao khác (Loại khoản 220-221)	14.942	1.434	13.508
- Sự nghiệp Thể dục thể thao (Thể thao quần chúng; tổ chức, các hoạt động thể thao chào mừng các ngày lễ lớn, tuyên truyền các hoạt động TDTT; tham dự một số giải thể thao quần chúng toàn quốc (trong đó: Chi hỗ trợ các Liên đoàn thể thao tỉnh Hưng Yên, số tiền 100 triệu đồng/liên đoàn)	6.612	601	6.011
+ Tổ chức Đại hội TDTT tỉnh Hưng Yên năm 2026 và Tham dự Lễ khai mạc Đại hội thể dục thể thao toàn quốc năm 2026	8.330	833	7.497
Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	8.680	-	8.680
+ Thuê công du lịch thông minh và ứng dụng Du lịch thông minh trên thiết bị di động tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2029	1.200		1.200
+ Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh	1.633		1.633
+ Thuê dịch vụ CNTT phần mềm giám sát nội dung thông tin mạng liên quan tới tỉnh Hưng Yên	767		767
+ Trang thông tin điện tử đối ngoại	80		80
+ Số hóa 3D/360 các điểm di tích giai đoạn 4 năm 2026	5.000		5.000
Lĩnh vực du lịch (Loại khoản 280-322)	7.552	725	6.827

	+ Hưởng ứng năm du lịch Quốc gia năm 2026; Tổ chức các hoạt động giao lưu văn hoá, giới thiệu, quảng bá du lịch tỉnh Hưng Yên tại một số tỉnh.	300		300
	+ Tuần Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hưng Yên	1.267	127	1.140
	+ Triển khai Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030 (Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh):	5.985	598	5.387
	<i>Sửa chữa 04 biển quảng cáo tấm lớn tại xã Nghĩa Trụ, Việt Tiến, Đoàn Đào, Tân Hưng</i>	440	44	396
	<i>Dựng biển quảng cáo tấm lớn tại Chùa Keo</i>	1.110	111	999
	<i>Dựng biển quảng cáo tấm lớn tại Cồn Vành</i>	1.110	111	999
	<i>Dựng biển quảng cáo tấm lớn tại Cồn Đen</i>	1.110	111	999
	<i>Hỗ trợ hoạt động Hiệp hội Du lịch tỉnh Hưng Yên</i>	220	22	198
	<i>Liên hoan ẩm thực Hưng Yên</i>	1.995	199	1.796
	Tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích (Loại khoản 160-161)	21.666	2.167	19.499
	+ Tôn tạo, tu bổ, chống xuống cấp và tu sửa cấp thiết di tích cấp Quốc gia (Tiếp tục thực hiện Đề án theo Quyết định 2840/QĐ-UBND ngày 30/11/2020; Thông báo Kết luận số 144/TB-UBND ngày 22/10/2025)	11.110	1.111	9.999
	+ Tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp và tu sửa cấp thiết di tích: Đình Phù Sa thượng thôn Lãnh Diên, xã Châu Ninh: 1,5 tỷ đồng; Đền bà Nhọ (Đền Quan Trấn Bắc), thôn Lãnh Diên, xã Châu Ninh: 1 tỷ đồng; Đền Cầm Ân linh từ (Chùa Bà), thôn Tân An, xã Tiên Tiến: 1 tỷ; Chùa Tháp Am, xã Khoái Châu 1 tỷ; Đền Hậu, xã Khoái Châu: 1,5 tỷ; đình Hạ Cát, xã Quang Hưng: 1 tỷ đồng; Đình Đông Kim, xã Hoàn Long 556tr; Đình Tráng Vũ, xã Hoàn Long: 1 tỷ đồng; Đền Hét xã Thái Ninh: 1 tỷ đồng; Đình Sơn xã Bình Thanh: 1 tỷ đồng	10.556	1.056	9.500
2	Trung tâm Văn hóa tỉnh	27.053	1.384	25.669
	- Tự chủ	13.050	246	12.804
	- Không tự chủ	14.003	1.138	12.865
	+ Quỹ tiền thưởng theo nghị định số 73/2024/NĐ-CP	626		626
	+ Hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết số 730/2025/NQ-HĐND	432		432
	+ Các hoạt động tuyên truyền cổ động, lưu động; Tổ chức Liên hoan Nghệ thuật quần chúng toàn tỉnh; Tổ chức liên hoan giai điệu tuổi hồng toàn tỉnh; Tổ chức chương trình nghệ thuật chào mừng các ngày lễ lớn; In bản tin tuyên truyền, hướng dẫn nghiệp vụ văn hóa; Trưng bày ảnh tư liệu, tranh cổ động và trình diễn di sản văn hóa phi vật thể; Xây dựng, thực hiện các mô hình hoạt động mẫu trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật; Tổ chức chương trình văn nghệ tại phố đi bộ	3.700	330	3.370

	+ Tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ	300		300
	+ Liên hoan nghệ thuật quần chúng toàn quốc và khu vực	1.160	116	1.044
	+ Hoạt động chiếu phim tuyên truyền các ngày lễ lớn trong năm (Bao gồm cả hỗ trợ tiền mua bản quyền phim)	890	89	801
	+ Kinh phí đi tập huấn nghiệp vụ và dự liên hoan phim, dự hội thi, hội diễn, liên hoan Nghệ thuật quần chúng toàn quốc và khu vực	120		120
	+ Bảo dưỡng, sửa chữa, thay phin lọc gió định kỳ máy chiếu 2K tại Rạp Phố Hiến	150		150
	+ Sửa chữa xe ô tô tuyên truyền lưu động và xe đội chiếu phim lưu động	150		150
	+ Mua sắm sửa chữa tài sản, trang thiết bị văn phòng	1.500	150	1.350
	+ Thiết bị âm thanh Hội trường	620	62	558
	+ Sửa chữa trụ sở cơ sở 2	890	89	801
	+ Diệt muỗi	90		90
	+ Vệ sinh môi trường, nạo vét cống rãnh	100		100
	+ Sửa chữa nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ số 1 Bạch Đằng phường Phố Hiến	1.525	152	1.373
	+ Sửa chữa, thay thế thiết bị hệ thống phòng cháy, chữa cháy tại trụ sở làm việc số 1 Bạch Đằng và cơ sở rạp phố Hiến	250		250
	+ Sửa chữa trụ sở rạp chiếu phim (Số 1 Nguyễn Thiện Thuật)	500	50	450
	+ Trang bị hệ thống điều hòa, camera an ninh cho các cơ sở 1,2	1.000	100	900
3	Thư viện tỉnh	21.309	1.209	20.100
	- Tự chủ	8.227	154	8.073
	- Không tự chủ	13.082	1.055	12.027
	+ Quỹ tiền thưởng theo nghị định số 73/2024/NĐ-CP	450		450
	+ Thanh toán dịch vụ công cộng	200		200
	+ Phục vụ ngoài giờ ngày thứ 7, Chủ nhật; ngày nghỉ lễ	550		550
	+ Tổ chức trưng bày, triển lãm, tuyên truyền giới thiệu sách báo, tư liệu; tổ chức ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam; tổ chức Cuộc thi Đại sứ văn hóa đọc; Liên hoan thiếu nhi kể chuyện; hội nghị nói chuyện chuyên đề	800	80	720
	+ Biên soạn, in ấn, phát hành thư mục chuyên đề; mua vật tư, văn phòng phẩm phục vụ xử lý hồi cố sách, số hóa tài liệu	50		50
	+ Mua bổ sung sách, sưu tầm tài liệu phục vụ bạn đọc tại Thư viện	890	89	801
	+ Mua bổ sung sách cho kho lưu động để luân chuyển về cơ sở	180		180
	+ Mua báo, tạp chí; trao đổi báo địa phương với các tỉnh	100		100
	+ Đóng bảo quản sách báo, tài liệu; chống mối mọt	250		250

	+ Suru tầm, dịch thuật tài liệu địa chí	100		100
	+ Tổ chức luân chuyển sách về thư viện, tủ sách cơ sở, điểm bưu điện, văn hóa xã, thư viện trường học trên địa bàn tỉnh	100		100
	+ In sách Địa chí Hưng Yên	3.920	392	3.528
	+ Thuê máy chủ cho website Thư viện tỉnh Hưng Yên và phần mềm Thư viện số	75		75
	+ Dịch và phục chế tài liệu Hán Nôm	100		100
	+ Bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị tin học, phần mềm thư viện điện tử tích hợp và duy trì hoạt động của trang thông tin điện tử	100		100
	+ Hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết số 730/2025/NQ-HĐND	180		180
	+ Sửa chữa, duy trì vệ sinh khuôn viên sân vườn cơ quan và hệ thống chiếu sáng sân vườn; phun thuốc diệt muỗi	220	22	198
	+ Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống phòng cháy, chữa cháy	100		100
	+ Sửa chữa trụ sở làm việc tại Thư viện tỉnh cơ sở 2	1.547	155	1.392
	+ Mua sắm tài sản, trang thiết bị cho phòng trưng bày, phòng hội trường và phòng phục vụ bạn đọc	2.950	295	2.655
	+ Mua quạt, tủ đựng tài liệu; điều hòa, trang thiết bị	220	22	198
4	Bảo tàng tỉnh	19.009	1.161	17.848
	- Tự chủ	6.125	105	6.020
	- Không tự chủ	12.884	1.056	11.828
	+ Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	284		284
	+ Hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết số 730/2025/NQ-HĐND	54		54
	+ Trưng bày tại Bảo tàng tỉnh	1.900	190	1.710
	+ Trưng bày lưu động chuyên đề tại các địa phương trong tỉnh	422	42	380
	+ Chính lý bổ sung tài liệu hiện vật, hình ảnh nội dung trưng bày nhà truyền thống, lưu niệm và tưởng niệm danh nhân	278	27	251
	+ Công tác nghiên cứu, xuất bản sách phục vụ công tác chuyên môn	150		150
	+ Số hóa không gian trưng bày và các hiện vật tiêu biểu	633	63	570
	+ Công tác sưu tầm, phục chế, làm bản sao tài liệu, hiện vật	1.511	151	1.360
	+ Thuê chuyên gia bảo quản tài liệu	450	45	405
	+ Bảo quản phòng ngừa tài liệu, hiện vật, mua vật tư kho	120		120
	+ Mua công cụ, dụng cụ, thiết bị cho kho bảo quản	50		50
	+ Trắc chuyên môn ngày nghỉ, ngày lễ, ngày tết và làm thêm giờ vào ngày nghỉ	200		200
	+ Công tác kiểm kê tài liệu hiện vật	200		200

	+ Tiền điện vận hành hệ thống máy móc bảo quản tài liệu hiện vật, phục vụ chiếu sáng, đài phun nước đảm bảo cảnh quan; thuê bảo vệ; thuê dọn vệ sinh tưới cây, phun thuốc trừ sâu toàn bộ cây	450	45	405
	+ Trồng cây xanh	150		150
	+ Diệt mối, phòng chống mối trụ sở làm việc	162		162
	+ Phun thuốc muỗi	100		100
	+ Vệ sinh môi trường, nạo vét cống rãnh	140		140
	+ Phục vụ các hoạt động Đèn thờ Mẹ Việt Nam anh Hùng	400		400
	+ Sửa chữa ô tô	100		100
	+ Sửa chữa, bảo dưỡng biểu tượng khu trưng bày ngoài trời	1.100	110	990
	+ Sửa chữa, bảo dưỡng mái che và các phòng vệ sinh	1.100	110	990
	+ Trang trí chiếu sáng khuôn viên Bảo tàng tỉnh	1.460	146	1.314
	+ Duy tu, sửa chữa 02 thang máy	200		200
	+ Mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị cho phòng trưng bày, kho bảo quản, công cụ dụng cụ	1.270	127	1.143
5	Ban Quản lý di tích tỉnh	19.383	1.093	18.290
	- Tự chủ	4.081	69	4.012
	- Không tự chủ	15.302	1.024	14.278
	+ Quỹ tiền thưởng theo nghị định số 73/2024/NĐ-CP	253		253
	+ Hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết số 730/2025/NQ-HĐND	90		90
	+ Lập hồ sơ khoa học Lễ hội, di sản văn hóa phi vật thể đưa vào danh mục DSVHPVT cấp Quốc gia; Biên soạn, in ấn, tuyên truyền về Lễ hội truyền thống	889	89	800
	+ Lập hồ sơ xếp hạng di tích cấp Quốc Gia và cấp tỉnh	556	56	500
	+ Lập hồ sơ công nhận bảo vật quốc gia (02 hồ sơ). In ấn tuyên truyền quảng bá các bảo vật quốc gia đã được công nhận.	700	70	630
	+ Lập hồ sơ khoa học "Tri thức dân gian trồng và chế biến nhãn lồng Hưng Yên" trình UNESCO ghi danh	2.089	209	1.880
	+ Thực hiện đề án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh hưng Yên giai đoạn 2025-2030 theo quyết định số 1527/QĐ - UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên	4.444	444	4.000
	+ Biên tập và xuất bản sách "Danh mục di tích tỉnh Hưng Yên"	250		250
	+ Kiểm kê Di sản tư liệu trong di tích. Dự kiến kiểm kê tại 05 xã thuộc tỉnh Thái Bình cũ	556	56	500
	+ Nghiên cứu, lựa chọn DSTL để lập hồ sơ khoa học trình Bộ VHTTDL ghi danh	300		300
	+ Mở lớp tập huấn: “Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ của người Việt trên địa bàn tỉnh Hưng Yên”.	200		200

	+ Diệt mối, phòng chống mối; phun thuốc muỗi	75		75
	+ Đánh mối Chùa Phú Thị và Đền, chùa Nhận Tháp	500	50	450
	+ Đánh mối di tích lịch sử đền Trần Thái Bình tại khu lăng mộ và đền thờ các vị vua triều Trần	500	50	450
	+ Bảo trì, duy trì hoạt động của website, phần mềm quản lý di tích. (Bao gồm chi phí gia hạn miền, nhập dữ liệu vào phần mềm quản lý di tích; nhuận bút đăng bài trên website, nâng cấp gói cước internet để phù hợp với tốc độ truy cập...)	100		100
	+ Khảo sát, đánh giá hiện trạng di tích, giám sát địa phương tu bổ, tôn tạo di tích, giám sát địa phương tổ chức lễ hội trên địa bàn toàn tỉnh	200		200
	+ Tổ chức Lễ hội Chùa Keo	1.200		1.200
	+ Tổ chức Lễ hội Đền Trần	1.200		1.200
	+ Tổ chức Lễ hội dân gian Phố Hiến	1.200		1.200
6	Trung tâm Thông tin Xúc tiến Du lịch	11.514	818	10.696
	- Tự chủ	3.389	67	3.322
	- Không tự chủ	8.125	751	7.374
	+ Quỹ tiền thưởng theo nghị định số 73/2024/NĐ-CP	177		177
	+ Hoạt động xúc tiến du lịch	1.670	167	1.503
	+ Xây dựng phim du lịch Hưng Yên và phát sóng trên đài truyền hình TW và địa phương	1.220	122	1.098
	+ Xây dựng các ấn phẩm thông tin tuyên truyền du lịch	590	59	531
	+ Mua sắm tài sản, trang thiết bị	330	33	297
	+ Quảng bá du lịch Hưng Yên trên các trang thông tin; liên kết website trên trang thông tin điện tử của Cục du lịch	100		100
	+ Tổ chức workshop quảng bá du lịch Hưng Yên qua nền tảng số	220	22	198
	+ Tổ chức chương trình trải nghiệm học đường cho học sinh trên địa bàn tỉnh tìm hiểu về Văn hóa đất và người Hưng Yên	370	37	333
	+ Nâng cấp trang thông tin điện tử du lịch Hưng Yên	150		150
	+ Chi hoạt động tại khu du lịch sinh thái Cồn Vành	330	33	297
	+ Khảo sát, đánh giá điểm đến đề xuất xây dựng sản phẩm du lịch mới trên địa bàn tỉnh năm 2026	150		150
	+ Sửa chữa trụ sở làm việc	1.110	111	999
	+ Bản đồ số du lịch Hưng Yên	1.672	167	1.505
	+ Hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết số 730/2025/NQ-HĐND	36		36
7	Nhà hát chèo	57.254	3.120	54.134
	- Tự chủ	29.715	555	29.160
	- Không tự chủ	27.539	2.565	24.974
	+ Quỹ tiền thưởng theo nghị định số 73/2024/NĐ-CP	1.423		1.423
	+ Dựng vở mới và trích đoạn cho 02 đoàn	5.556	556	5.000

	+ Nâng cấp bổ sung cảnh trí sửa chữa vỡ cho 02 đoàn	1.000	100	900
	+ Phục dựng những vở chèo, trích đoạn cổ để bảo tồn nghệ thuật truyền thống	2.889	289	2.600
	+ Dựng chương trình ca múa nhạc tổng hợp biểu diễn phục vụ chính trị của tỉnh cho Đoàn Nghệ thuật 3	2.000	200	1.800
	+ Nghiệp vụ đặc thù phục vụ chính trị biểu diễn những chương trình đột xuất của tỉnh, phục vụ biểu diễn các ngày lễ lớn trong năm; Hỗ trợ biểu diễn không doanh thu tuyên truyền các vở diễn lịch sử danh nhân của tỉnh và chương trình nghệ thuật tại 104 xã phường của tỉnh	6.794	679	6.115
	+ Dàn dựng chương trình và tham dự cuộc thi tài năng diễn viên chèo toàn quốc	1.200	120	1.080
	+ Dàn dựng tác phẩm âm nhạc và tham dự cuộc thi độc tấu, hòa tấu nhạc cụ dân tộc toàn quốc	1.922	192	1.730
	+ Mua sắm bổ sung trang thiết bị âm thanh cho 02 đoàn và thiết bị dùng chung	2.635	263	2.372
	+ Sửa chữa phòng làm việc, khu vệ sinh phòng nghỉ biên đạo múa thuộc nhà công vụ, lán kho cảnh cũ vỡ diễn	550	55	495
	+ Cải tạo, sửa chữa sân khấu, một số phòng làm việc và các hạng mục phụ trợ tại trụ sở chính.	1.110	111	999
	+ Phun thuốc muỗi	48		48
	+ Vệ sinh môi trường, nạo vét cống rãnh hút bể phốt	96		96
	+ Sửa chữa, mua sắm, lắp đặt thiết bị phòng cháy, chữa cháy	100		100
	+ Hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết số 730/2025/NQ-HĐND	216		216
8	Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể thao	142.621	2.506	140.115
	- Tự chủ	20.495	363	20.132
	- Không tự chủ	122.126	2.143	119.983
	+ Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	1.122		1.122
	+ Tiền ăn VĐV, HLV đội tuyển tập trung tập huấn (tập luyện - thi đấu) và tiền ăn thi đấu các giải trong nước và quốc tế...	51.269		51.269
	+ Tiền lương ngày, tiền hỗ trợ theo ngày thực tế tập huấn, thi đấu VĐV Đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh và mua bảo hiểm y tế cho VĐV	21.658		21.658
	+ Chế độ chính sách hỗ trợ thêm đối với HLV-VĐV đội Bóng chuyền nữ	6.184		6.184
	+ Hỗ trợ, ưu đãi VĐV đạt đẳng cấp quốc gia (huy chương vàng, bạc, đồng)	3.281		3.281
	+ Dụng cụ tập luyện, xăng xe, điện, nước, Internet, thuê bảo vệ cấp dưỡng phục vụ hoạt động chuyên môn	3.302	330	2.972
	+ Thi đấu cọ sát các môn	500		500
	+ Thuốc sơ cứu ban đầu thiết bị y tế vật tư y tế phục vụ VĐV	90		90

+ Phun muỗi diệt côn trùng, diệt mối, men xử lý bề phốt, bột thông tắc ký túc xá VĐV và nhà làm việc	90		90
+ Chế độ chính sách hỗ trợ khi thôi không làm VĐV, tiền thưởng HLV - VĐV thi đấu đạt huy chương các giải trong nước và quốc tế...	14.500		14.500
+ Hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết số 730/2025/NQ- HĐND	126		126
+ Mua sắm tài sản (điều hòa) lắp đặt các phòng ở KTX nhà ăn VĐV	494	49	445
+ Sửa chữa cải tạo nhà hiệu bộ trụ sở chính sau hợp nhất	610	61	549
+ Sửa chữa nhà Wushu, karate cơ sở 2	610	61	549
+ Sửa chữa mái nhà ký túc xá cơ sở 2	610	61	549
+ Xe ô tô 29 chỗ	1.500		1.500
*Hoạt động Thể dục Thể thao khác:	16.180	1.581	14.599
- <i>Sự nghiệp Thể dục thể thao: phục vụ thể thao thành tích cao, tập huấn thi đấu các giải thể thao toàn quốc, các giải khu vực và quốc tế, đại hội TDTT TQ...</i>	15.280	1.581	13.699
- <i>Khen thưởng đội bóng đá U11</i>	900		900